

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DX  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-4-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương
2. Bà Phạm Thị Cang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1979,
  2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm: 1980,
- Cùng địa chỉ: thôn SV, xã DN, huyện DX, Quảng Nam.  
Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020, các phiên hòa giải ngày 14/01/2021, 22/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DN vào năm 2009. Vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng tư tưởng, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn giữa anh T và gia đình vợ, cũng như giữa chị P và mẹ chồng không thể hàn gắn được. Chị P sống bảo thủ, ích kỷ, chỉ biết lo cho bản thân, không nghĩ cho anh T và gia đình anh T. Có nhiều lần bức xúc quá anh T có đánh chị P. Anh T không muốn ràng buộc trong cuộc hôn nhân này nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thành P1, sinh ngày 20/02/2012. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị P muốn nuôi con và cháu P1 đồng ý ở với mẹ

thì anh T đồng ý giao con cho chị P nuôi và sẽ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị P.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 14/01/2021, các phiên hòa giải ngày 14/01/2021, 22/3/2021, bị đơn chị Trần Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, những mâu thuẫn nhỏ có thể hòa giải được. Chị P thừa nhận chị P và mẹ chồng có xích mích với nhau nhưng mọi chuyện đã được giải tỏa hết, chị P đã ngồi lại nói chuyện với mẹ chồng và em chồng nên bây giờ mọi người đã sống hòa thuận với nhau, không còn xích mích gì nữa. Chị P mong muốn vợ chồng cùng nhau sửa đổi, tha thứ cho nhau để cứu vãn cuộc hôn nhân này. Chị P vẫn còn tình cảm với anh T nên chị P không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như anh T trình bày là đúng. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:* Tòa án nhân dân huyện DX thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, vợ chồng anh T và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị cho ly hôn. Con chung: cháu P1 có nguyện vọng ở với mẹ, phù hợp với ý kiến của chị P nên giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

*Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án gồm:*

- Giấy chứng nhận kết hôn;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của chị P, anh T, bà Bốn;
- Bản sao Giấy khai sinh của con;
- Bản sao Sổ hộ khẩu;
- Đơn xin trình bày nguyện vọng của con;
- Bảng lương của chị P;
- 02 Biên bản xác minh;
- Biên bản lấy lời khai của bà Bốn.

*Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:*

Tất cả các tài liệu, chứng cứ trên.

*Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:*

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

*Các tình tiết mà các bên không thống nhất:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T yêu cầu ly hôn, chị P không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ cho thấy chị Trần Thị P và anh Nguyễn Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DN vào ngày 15/4/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, chung sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, bức xúc quá anh T có đánh chị P vài lần, thời gian trước đây mặc dù vẫn sống chung trong nhà nhưng phần ai nấy biết và hiện nay ở trong nhà quá nặng nề, căng thẳng nên chị P dọn ra ngoài tìm nơi ở khác.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, chị P không thỏa thuận ly hôn và yêu cầu HĐXX xem xét.

Xét thấy, vợ chồng đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thành P1, sinh ngày 20/02/2012. Cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, cháu P1 đã 09 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, là phù hợp với nguyện vọng của chị P nên giao cháu P1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Chị P và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

*Về án phí:* Anh Nguyễn Thành T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành T, cho anh Nguyễn Thành T và chị Trần Thị P ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Thành P1, sinh ngày 20/02/2012 cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thành T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Án phí HNGĐ-ST số tiền là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh Nguyễn Thành T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 4813 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DX. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/4/2021).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND DX;
- THADS DX;
- Các đương sự;
- UBND xã DN;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Minh Quốc**